

Số: 69/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Xét Tờ trình số 9185/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 là 3.292 người (có phụ lục kèm theo), trong đó:

1. Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh: 1.717 người;
2. Biên chế trong các cơ quan cấp huyện: 1.575 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày được thông qua. ✓

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Thái Thanh Quý



Phụ lục
Biên chế công chức trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước
tỉnh Nghệ An năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
	Tổng giao	3292	
I	Cấp tỉnh	1717	
1	Biên chế đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoạt động chuyên trách	10	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	29	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	79	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	522	
	<i>Cơ quan sở</i>	62	
	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	306	
	<i>Văn phòng Chi cục chăn nuôi và Thú y</i>	20	
	<i>Văn phòng chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	27	
	<i>Văn phòng Chi cục Thủy lợi</i>	23	
	<i>Chi cục Thủy sản</i>	28	
	<i>Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	5	
	<i>Văn phòng Chi cục phát triển nông thôn</i>	18	
	<i>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</i>	12	
	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt</i>	11	
	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống</i>	10	
5	Sở Y tế	83	
	<i>Cơ quan sở</i>	46	
	<i>Chi cục Dân số và Kế hoạch hoá gia đình</i>	19	
	<i>Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm</i>	18	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	76	
	<i>Cơ quan sở</i>	61	
	<i>Chi cục bảo vệ môi trường</i>	15	
7	Sở Nội vụ	76	
	<i>Cơ quan sở</i>	39	

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
	<i>Ban Tôn giáo</i>	6	
	<i>Ban Thi đua Khen thưởng</i>	18	
	<i>Chi cục Văn thư Lưu trữ</i>	13	
8	Sở Giao thông vận tải	74	
	<i>Cơ quan sở</i>	42	
	<i>Thanh tra Giao thông vận tải</i>	32	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	68	
	<i>Cơ quan sở</i>	59	
	<i>Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội</i>	9	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	40	
	<i>Cơ quan sở</i>	27	
	<i>Chi cục tiêu chuẩn, đo lường - chất lượng</i>	13	
11	Sở Tài chính	80	
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	71	
13	Sở Xây dựng	60	
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60	
15	Sở Công thương	59	
16	Sở Văn hoá và Thể thao	50	
17	Thanh tra tỉnh	49	
18	Sở Tư pháp	40	
19	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
20	Sở Du lịch	23	
21	Sở Ngoại vụ	18	
22	Ban Dân tộc	30	
23	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	36	
24	Các đơn vị sử dụng biên chế công chức		
	<i>Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Pù Mát</i>	49	
	<i>Văn phòng Ban an toàn giao thông</i>	6	
II	Các cơ quan cấp huyện	1575	
1	HĐND - UBND thành phố Vinh	140	
2	HĐND - UBND thị xã Cửa Lò	64	
3	HĐND - UBND thị xã Hoàng Mai	64	
4	HĐND - UBND thị xã Thái Hoà	66	
5	HĐND - UBND huyện Quỳnh Lưu	75	
6	HĐND - UBND huyện Nghĩa Đàn	72	
7	HĐND - UBND huyện Diễn Châu	76	
8	HĐND - UBND huyện Yên Thành	76	
9	HĐND - UBND huyện Nghi Lộc	74	
10	HĐND - UBND huyện Nam Đàn	75	
11	HĐND - UBND huyện Hưng Nguyên	71	
12	HĐND - UBND huyện Thanh Chương	76	

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
13	HĐND - UBND huyện Đô Lương	74	
14	HĐND - UBND huyện Anh Sơn	70	
15	HĐND - UBND huyện Con Cuông	72	
16	HĐND - UBND huyện Tương Dương	71	
17	HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn	75	
18	HĐND - UBND huyện Tân Kỳ	73	
19	HĐND - UBND huyện Quỳnh Hợp	73	
20	HĐND - UBND huyện Quỳnh Châu	69	
21	HĐND- UBND huyện Quế Phong	69	

k